

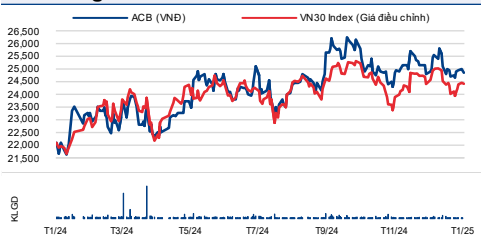
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ34,700
Tiềm năng tăng/giảm: 39.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/1/2025)	24,850
Mã Bloomberg	ACB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	21,630-26,250
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	24,933
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	110,997
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,392
Slg CP lưu hành (tr.đv)	4,467
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,340
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	30.0%
Tỷ lệ freefloat	77.2%
Cổ đông lớn	Sather Gate Inv (4.99%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	719	810	955
Dư nợ cho vay (ntđ)	488	576	669
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	32.7	33.8	39.3
Lợi nhuận thuần (ntđ)	16.0	16.7	18.5
BVPS (đồng)	15,886	18,628	21,666
EPS (đồng)	3,503	3,646	4,038
DPS (đồng)	756	870	1,000
T.trưởng cho vay KH (%)	17.9	18.1	16.2
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	13.7	3.30	16.1
Tăng trưởng EPS (%)	15.6	4.11	10.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	15.0	15.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	21.6	23.8	24.8
ROAE (%)	24.8	21.7	20.6
ROAA (%)	2.42	2.18	2.10
Tỷ lệ NIM (%)	3.87	3.77	3.75
Tỷ lệ CIR (%)	33.2	32.9	32.9
Hệ số CAR (%)	12.5	12.8	12.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.21	1.50	1.40
LLR/nợ xấu (%)	91.2	75.0	80.1
Hệ số LDR (%)	101	108	102
P/B (lần)	1.56	1.33	1.15
P/E (lần)	7.09	6.81	6.15
Lợi suất cổ tức (%)	3.04	3.50	4.02

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Á Châu là một trong những ngân hàng tư nhân lớn nhất tại Việt Nam, tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân và DNVVN.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q4 tăng 12,4%, sát với dự báo

- LNTT Q4/2024 của ACB đạt 5,7 nghìn tỷ đồng, tăng 12,4%. LNTT cả năm đạt 21 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 4,7%, sát với dự báo của chúng tôi.
- Tổng tín dụng tăng trưởng mạnh 19,1% trong năm 2024 nhờ phân khúc KHDN vừa và lớn ở Ngân hàng mẹ và công ty chứng khoán ACBS.
- Tỷ lệ NIM giảm nhẹ 10 điểm cơ bản so với quý trước do lợi suất tài sản thu hẹp; tỷ lệ nợ xấu vẫn đi ngang ở mức 1,5% trong quý thứ 3 liên tiếp.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu. Chúng tôi giữ nguyên dự báo LNTT tăng trưởng 10% trong năm 2025 nhờ nền tín dụng cao giúp nâng cao thu nhập lãi thuần. Các rủi ro chính đến từ sự gia tăng của chi phí huy động và chi phí tín dụng.

Sự kiện: Hợp báo lợi nhuận Q4/2024 tổ chức ngày 22/1/2025

ACB công bố BCTC Q4/2024 với LNTT tăng 12,4% so với cùng kỳ, tương đương LNTT cả năm tăng trưởng 4,7% đạt 21 nghìn tỷ đồng, sát với dự báo của chúng tôi.

Chi phí dự phòng năm 2024 đã giảm 11% trong khi tỷ lệ nợ xấu gia tăng, tạo thêm áp lực cho tăng trưởng lợi nhuận năm tới.

Tín dụng hợp nhất tăng trưởng 19,1%

Tín dụng hợp nhất tăng trưởng 19,1% trong năm 2024, trong đó Ngân hàng mẹ tăng trưởng 18,4% (chiếm 98% dư nợ tín dụng hợp nhất), công ty chứng khoán ACBS (Chưa niêm yết) tăng trưởng 90% và công ty cho thuê tài chính ACBL (Chưa niêm yết) tăng trưởng 29,2%. Cho vay khách hàng cá nhân tăng trưởng 15%, cho vay DNNVV tăng trưởng 12% và cho vay DN vừa và lớn tăng trưởng 86%. Phân khúc khách hàng cá nhân đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng tuyệt đối vì chiếm khoảng 63% tổng dư nợ tín dụng.

Trong năm 2025, BLĐ kỳ vọng tăng trưởng tín dụng đạt tối thiểu 16% với động lực từ phân khúc khách hàng cá nhân dựa trên kỳ vọng thị trường BĐS phục hồi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD, ACB

LNTT Q4 và cả năm 2024 đều sát với dự báo của chúng tôi

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	% so với cùng kỳ	2023	2024	Tăng trưởng	% HSC dự báo
Thu nhập lãi thuần	6,290	7,080	12.6%	24,960	27,795	11.4%	98.9%
Thu nhập ngoài lãi	2,089	1,478	-29.2%	7,787	5,719	-26.6%	99.9%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	727	869	19.5%	2,922	3,239	10.8%	102.5%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	29	344	1088.8%	1,110	1,170	5.4%	98.0%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	1,345	187	-86.1%	2,816	650	-76.9%	109.1%
Thu nhập thuần khác	-14	73	-	863	623	-27.8%	86.4%
Thu nhập từ góp vốn/ mua cổ phần	2	5	189.0%	76	37	-51.5%	68.5%
Tổng thu nhập HĐ	8,378	8,558	2.1%	32,747	33,514	2.3%	99.1%
Chi phí HĐ	3,013	2,739	-9.1%	10,874	10,903	0.3%	97.9%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	5,365	5,819	8.5%	21,872	22,612	3.4%	99.6%
Chi phí dự phòng	322	148	-54.1%	1,804	1,606	-11.0%	89.9%
LNTT	5,044	5,671	12.4%	20,068	21,006	4.7%	100.5%
Lợi nhuận thuần	4,006	4,545	13.5%	16,045	16,789	4.6%	100.5%

Nguồn: ACB, HSC

Tổng tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng trưởng 19,4% trong năm 2024, từ đó giúp duy trì hệ số LDR điều chỉnh (tổng dư nợ tín dụng trên tổng tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) ở mức 91%, tương đương thời điểm cuối năm 2023. Tỷ lệ này thấp hơn mức đỉnh 95,1% vào Q2/2024, do Ngân hàng tăng cường huy động thông qua giấy tờ có giá để nâng cao thanh khoản trong điều kiện thị trường thắt chặt.

Tỷ lệ NIM giảm 11 điểm cơ bản so với quý trước

Tỷ lệ NIM giảm 11 điểm cơ bản so với quý trước, từ 3,6% trong Q3/2024 xuống 3,5% trong Q4/2024, do lợi suất tài sản giảm 10 điểm cơ bản so với quý trước xuống 6,7%, trong khi chi phí huy động vẫn đi ngang ở mức 3,6%.

Lợi suất tài sản giảm xuống do 2 nguyên nhân: (1) Tăng cường huy động làm gia tăng tỷ trọng phân bổ vào các tài sản có thanh khoản cao, bao gồm các khoản tiền gửi liên ngân hàng, TPCP và trái phiếu ngân hàng, những tài sản thường có lợi suất thấp hơn so với cho vay khách hàng; và (2) lợi suất cho vay tiếp tục giảm xuống trong Q4/2024 do tình hình cạnh tranh gay gắt và cho vay khách hàng cá nhân chững lại trong quý.

Xét cả năm 2024, tỷ lệ NIM giảm 27 điểm cơ bản xuống 3,6%. BLĐ cho rằng tỷ lệ NIM vẫn sẽ phải đối mặt với sức ép trong thời gian tới, đặc biệt là Q1/2025, và đặt mục tiêu duy trì tỷ lệ NIM ổn định trong năm 2025.

Thu nhập ngoài lãi giảm 29,2% từ mức nền cao

Thu nhập ngoài lãi Q4/2024 giảm 29,2% so với cùng kỳ xuống 1.478 tỷ đồng. Tính chung cả năm 2024, thu nhập ngoài lãi giảm 26,6% so với cùng kỳ xuống 5.719 tỷ đồng, chủ yếu do mức nền cao từ lãi mua bán TPCP trong năm 2023. Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng trưởng 11% so với cùng kỳ trong năm 2024 nhờ doanh thu dịch vụ thanh toán và dịch vụ thẻ, trong khi doanh thu bancassurance tiếp tục sụt giảm.

Đối với triển vọng thời gian tới, BLĐ kỳ vọng doanh thu bancassurance banca sẽ đi ngang và đặt kế hoạch đẩy mạnh các dịch vụ khác, cũng như hoạt động của các công ty con, bao gồm ACBS & ACB Capital.

Tỷ lệ nợ xấu đi ngang so với quý trước ở mức 1,5%

Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức 1,5% trong 3 quý liên tiếp; tuy nhiên, tỷ lệ nợ nhóm 5 đã tăng từ 1% trong Q2 lên 1,2% trong Q4, từ đó cho thấy chất lượng tài sản đã suy yếu nhẹ. Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành đã giảm dần trong năm, từ mức đỉnh 0,3% trong Q1 xuống 0,1% trong Q4. Các khoản vay tái cấu trúc theo Thông tư 02 chỉ chiếm 0,2% tổng danh mục cho vay tại thời điểm cuối năm.

Thời gian tới, BLĐ nhận thấy rủi ro về chất lượng tài sản vẫn hiện hữu trên toàn ngành, đặc biệt là trong Q1/2025. Tuy nhiên, đối với ACB, BLĐ kỳ vọng tỷ lệ nợ xấu đã đạt đỉnh vào năm 2024 sau đó sẽ giảm dần trong năm 2025. BLĐ chưa đưa ra kế hoạch chi tiết cho tỷ lệ nợ xấu nhưng kỳ vọng tỷ lệ nợ xấu sẽ dưới mức 1,5% vào cuối năm 2025.

Hệ số CIR ở mức 32% trong Q4/2024 và 32,5% trung bình cả năm 2024

ACB kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động trong năm 2024 với hệ số CIR là 32,5% cho năm 2024, giảm 70 điểm cơ bản so với năm 2023. Tỷ lệ chi phí hoạt động (chi phí hoạt động/bình quân dư nợ cho vay) cũng giảm từ 2,4% trong năm 2023 xuống 2% trong năm 2024. Lưu ý rằng ACB đã từ bỏ các biện pháp cắt giảm chi phí mạnh tay, như trong Q2/2024 khi hệ số CIR chỉ là 28,5%, để duy trì các khoản đầu tư phù hợp cho tăng trưởng và khả năng cạnh tranh trong tương lai.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu gần như đi ngang trong 3 tháng qua, ACB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,15 lần, thấp hơn 0,5 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2017 ở mức 1,29 lần nhưng cao hơn so với bình quân nhóm

NHTM tự nhân ở mức 1,06 lần. ACB có mức định giá cao hơn so với ngành trên cơ sở rủi ro chất lượng tài sản thấp hơn & hệ số ROE cao hơn.

Do KQKD Q4 nhìn chung sát với dự báo, HSC giữ nguyên quan điểm về triển vọng cho năm 2025 của ACB. Yếu tố tích cực cho năm 2025 là mức nền tín dụng tăng lên, từ đó sẽ giúp đẩy mạnh tăng trưởng thu nhập lãi thuần. Trong khi đó, rủi ro có thể đến từ sự gia tăng của chi phí huy động & chi phí tín dụng. HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận của ACB có thể tăng trưởng khoảng 10% trong năm 2025 với hệ số ROE trên 20% và từ đó duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu cho ACB.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	40.7	52.3	51.0	61.0	75.4
Chi phí lãi	(17.2)	(27.4)	(22.9)	(28.6)	(35.7)
Thu nhập lãi thuần	23.5	25.0	28.1	32.4	39.6
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3.53	2.92	3.16	3.55	4.32
Lãi thuần HĐ KDNH	1.05	1.11	1.19	1.68	1.94
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(0.37)	2.82	0.60	0.76	1.07
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.06	0.08	0.05	0.05	0.05
Thu nhập khác	0.99	0.86	0.72	0.86	1.14
Tổng thu nhập HĐ	28.8	32.7	33.8	39.3	48.1
Chi phí HĐ	(11.6)	(10.9)	(11.1)	(12.9)	(16.5)
LN trước dự phòng	17.2	21.9	22.7	26.4	31.6
Chi phí dự phòng	(0.07)	(1.80)	(1.79)	(3.23)	(4.08)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	17.1	20.1	20.9	23.1	27.5
Chi phí thuế TNDN	(3.43)	(4.02)	(4.21)	(4.63)	(5.50)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	13.7	16.0	16.7	18.5	22.0
EPS (đồng)	3,031	3,503	3,646	4,038	4,802
DPS (đồng)	0	756	870	1,000	1,150
Slg CP bình quân (triệu đv)	4,467	4,467	4,467	4,467	4,467
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	4,467	4,467	4,467	4,467	4,467
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	4,467	4,467	4,467	4,467	4,467

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	8.46	6.91	7.51	8.92	10.5
Tiền gửi tại NHNN	13.7	18.5	16.0	19.6	23.9
Tiền gửi tại các TCTD khác	86.0	115	93.4	119	153
Chứng khoán kinh doanh	1.13	7.18	6.94	8.22	8.39
Các công cụ tài chính phái sinh	0.10	0	0.27	0.27	0.27
Số dư cho vay thuần	409	482	569	661	761
Tổng dư nợ cho vay	414	488	576	669	770
Dự phòng rủi ro	(4.85)	(5.37)	(6.47)	(7.50)	(8.67)
Chứng khoán đầu tư	75.5	73.5	101	120	133
CK đầu tư sẵn sàng để bán	31.9	44.9	92.1	109	121
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	43.7	28.6	9.21	10.9	12.8
Dự phòng rủi ro	0	0	(0.01)	(0.01)	(0.01)
Đầu tư dài hạn	0.15	0.14	0.13	0.13	0.13
Tài sản cố định	4.16	4.94	4.83	4.89	5.04
Tài sản khác	9.86	10.6	10.8	12.9	16.5
Tổng tài sản	608	719	810	955	1,112
Nợ phải trả	549	648	727	858	999
Tiền gửi của NHNN	0.51	0.00	0.02	0.02	0.02
Tiền gửi của các TCTD khác	67.8	89.5	77.7	87.6	92.4
Tổng tiền gửi KH	414	483	532	654	796
Trái phiếu và CCTG	44.3	52.4	93.9	89.2	78.7
Nợ khác	22.8	23.1	23.6	27.4	31.6
Vốn chủ sở hữu	58.4	71.0	83.2	96.8	113
Vốn điều lệ	33.8	38.8	44.7	51.4	59.1
Thặng dư vốn cổ phần	0.27	0.27	0.27	0.27	0.27
Lợi nhuận giữ lại	15.2	20.3	24.0	28.0	33.5
Quỹ & vốn khác của CSH	9.22	11.6	14.2	17.1	20.3
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	608	719	810	955	1,112
BVPS (đồng)	13,083	15,886	18,628	21,666	25,319

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	15.2	18.2	12.7	17.9	16.4
Tăng trưởng cho vay KH (%)	14.3	17.9	18.1	16.2	15.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	8.96	16.6	10.2	23.0	21.7
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	11.6	16.8	16.9	18.8	17.7
Tăng trưởng VCSH (%)	30.2	21.4	17.3	16.3	16.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	24.2	6.06	12.6	15.2	22.4
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	41.0	(6.30)	2.36	16.0	28.2
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	12.1	27.3	3.77	16.1	19.9
Tăng trưởng LNTT (%)	42.6	17.3	4.20	10.6	18.9
Tăng trưởng LN thuần (%)	42.5	17.2	4.11	10.8	18.9
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.07	4.94	4.42	4.45	4.66
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.04)	(1.64)	(1.46)	(1.46)	(1.60)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.2	97.2	97.6	97.7	97.7
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.21	2.40	2.41	2.71	3.23
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	35.6	41.8	43.5	48.2	57.3
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	8.20	7.09	6.81	6.15	5.17
P/B (lần)	1.90	1.56	1.33	1.15	0.98
Lợi suất cổ tức (%)	0	3.04	3.50	4.02	4.63

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	47.5	49.0	49.4	47.1	45.7
ROAA (%)	2.41	2.42	2.18	2.10	2.13
ROAE (%)	26.5	24.8	21.7	20.6	21.0
Chi phí huy động BQ (%)	3.46	4.76	3.44	3.73	3.98
Lợi suất góp BQ (%)	7.38	8.12	6.83	7.07	7.46
Lợi suất thuần (%)	3.91	3.36	3.39	3.34	3.49
Tỷ lệ NIM (%)	4.26	3.87	3.77	3.75	3.92
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	12.2	8.92	9.34	9.04	8.97
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	81.7	76.2	83.1	82.4	82.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	18.3	23.8	16.9	17.6	17.7
Tỷ lệ CIR (%)	40.3	33.2	32.9	32.9	34.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	21.6	23.8	24.8	23.9
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.8	12.5	12.8	12.8	13.0
VCSH/Tổng TS (%)	9.61	9.87	10.3	10.1	10.2
Đòn bẩy vốn (lần)	10.4	10.1	9.74	9.87	9.83
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.74	1.21	1.50	1.40	1.20
Hệ số LLR (%)	159	91.2	75.0	80.1	93.9
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	99.9	101	108	102	96.7
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	12.9	14.3	11.0	10.5	9.55
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	68.1	67.8	71.0	70.0	69.2
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	384	384	384	384	384
Số lượng nhân viên	13,035	13,655	14,064	14,485	14,919

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn